

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chung Thị Thu Nguyệt
- Ông Nguyễn Bạch Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23/6/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn số 117/2025/QĐST-DS ngày 13/6/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: TĐC . E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: TĐC.E8, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số C, khu phố C, Ấp B, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Huỳnh Thị Ngọc G.

Vắng mặt không lý do: Anh Phan Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân : Năm 2000, chị Huỳnh Thị Ngọc G và anh Phan Văn L tổ chức đám cưới. Đến năm 2006, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 29/6/2006. Sau khi kết hôn, chị G và anh L sống chung hạnh phúc đến năm 2015 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do bất đồng ý kiến và không có tiền nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc

sống hôn nhân căng thẳng, không còn giữ được hạnh phúc từ lâu. Mặc dù còn sống chung nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau này, anh L thường xuyên đi làm ăn xa, vợ chồng lạnh nhạt, lách mặt nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: Chị G và anh L có 02 con chung tên Phan Hữu N, sinh năm 2001 và Phan Thị Tuyết N1, sinh năm 2002, đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn L: Anh Phan Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh L vắng mặt tại phiên họp không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn L cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Văn L đăng ký thường trú tại: TĐC.E8, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị G, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị G có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/5/2025 và anh L vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G và anh L theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Năm 2006, chị G và anh L đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 101/2005 ngày 29/6/2006, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị G cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Hôn nhân của chị G và anh L là có phát sinh mâu thuẫn. Chị G cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015, chị G và anh L thường xuyên cãi nhau do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bất đồng ý kiến và không có tiếng nói

chung, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng. Mặc dù sống chung nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về sau, anh L thường xuyên đi làm xa, thời gian sống chung cũng ít. Như vậy, hôn nhân của chị G và anh L đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị G hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị G vẫn cương quyết xin ly hôn. Đối với anh L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh L không có mặt theo thông báo và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm với chị G. Cho nên, hôn nhân giữa chị G và anh L không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị G và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc G đối với anh Phan Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: 02 con chung tên Phan Hữu N, sinh năm 2001 và Phan Thị Tuyết N1, sinh năm 2002 đã đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên chị G không cần Tòa án giải quyết. Anh L không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dẫn nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị G và anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc G.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc G được ly hôn với anh Phan Văn L.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 29/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 02 con chung tên Phan Hữu N, sinh năm 2001 và Phan Thị Tuyết N1, sinh năm 2002 đã đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007445 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ngọc G và anh Phan Văn L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyên

